

BÀN VỀ MỘT SỐ KHÍA CẠNH LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA QUYỀN CON NGƯỜI

Vũ Công Giao*

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về quyền con người mới được thực hiện nhiều trong khoảng ba thập kỷ gần đây. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi xung quanh chủ đề này hiện vẫn còn nhiều khía cạnh gây tranh cãi. Bài viết này đề cập và thảo luận về một số khía cạnh như vậy, với ý nguyện góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận, thực tiễn của quyền con người.

Khái niệm quyền con người

Cũng như bất kỳ sự vật, hiện tượng nào khác, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về quyền con người, mỗi định nghĩa được xây dựng từ một góc độ tiếp cận nhất định. Ngoài trừ một số định nghĩa vi phạm quy tắc cơ bản của lô-gic học (ví dụ, xác định *quyền con người là những đặc quyền vốn có và chỉ có của con người*), mỗi định nghĩa đều chỉ ra những thuộc tính nhất định, nhưng không định nghĩa nào bao hàm được tất cả các thuộc tính của quyền con người. Vì vậy các định nghĩa bổ sung cho nhau và tính phù hợp của các định nghĩa phụ thuộc vào sự nhìn nhận của mỗi cá nhân, xuất phát từ nhu cầu, quan điểm và góc độ tiếp cận của mỗi người.

Dù vậy, có những định nghĩa được thừa nhận rộng rãi hơn so với các định nghĩa khác, ví dụ như định nghĩa ngắn gọn nhưng bao quát sau đây của Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người. Theo định nghĩa này *quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu (universal legal guarantees) có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động (actions) hoặc sự bỏ mặc (omissions) mà làm tổn hại đến nhân phẩm, các quyền (entitlements) và tự do cơ bản của con người (fundamental freedoms)*¹.

* Ths. Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội.

¹ United Nations, UNHCHR. *Frequently asked questions on a human rights-based approach to*

Đặc điểm của quyền con người

So với định nghĩa, các ý kiến về đặc điểm của quyền con người có sự thống nhất hơn. Mặc dù phạm vi nội dung và cách diễn đạt ít nhiều khác nhau, tuy nhiên nhìn chung, kể cả ở phương Đông và phương Tây, các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng, quyền con người mang những đặc điểm cơ bản sau đây:

Tính phổ biến (universal): đặc điểm này có nghĩa quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có của con người và được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi thành viên trong gia đình nhân loại, không có sự phân biệt đối xử vì bất cứ lý do gì.

Tính không thể chuyển nhượng (inalienable): đặc điểm này có nghĩa là các quyền con người không thể bị tước đoạt tùy tiện, trừ một số trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như khi một người phạm một tội ác thì có thể bị tước quyền tự do².

Tính không thể phân chia (indivisible): đặc điểm này có nghĩa là các quyền con người đều có tầm quan trọng như nhau, về nguyên tắc không có quyền nào được coi là có giá trị cao hơn quyền nào, vì tất cả các quyền con người đều có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm nhân phẩm và giá trị của con người.

Tính không thể phân chia của quyền con người cũng là một nguyên tắc được khẳng định trong nhiều văn kiện quốc tế quan trọng nhất trên lĩnh vực này, trong đó có Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 và Tuyên bố Viên và Chương trình Hành động năm 1993. Tuy nhiên, liên quan

development cooperation, New York and Geneva, 2006, tr.8.

² Xem: United Nations, UHCHR, *Human Rights, A Basic Handbook for UN Staff*, tr.3 và *Frequently asked questions on a human rights-based approach to development cooperation*, Sdd, tr.8.

đến đặc điểm này, cần chú ý là trong thực tế, tùy những bối cảnh cụ thể và với những đối tượng cụ thể, có thể *ưu tiên thực hiện* một số quyền nhất định, nhưng việc này dựa trên những *cơ sở và yêu cầu thực tế của việc bảo đảm các quyền đó* chứ không phải dựa trên sự đánh giá về *giá trị của các quyền đó*. Ví dụ, trong bối cảnh dịch bệnh đe dọa hoặc với những người bị bệnh tật, quyền được ưu tiên thực hiện là *quyền được chăm sóc y tế*. Hoặc ở phạm vi rộng hơn, các Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Công ước về quyền trẻ em (CRC) đặt ra một số quyền ưu tiên cần được bảo đảm với phụ nữ, trẻ em không có nghĩa là bởi các quyền đó có giá trị cao hơn so với các quyền khác, mà bởi vì do ảnh hưởng bởi truyền thống văn hóa hoặc do các yếu tố khách quan, chủ quan khác tác động nên các quyền đó thường bị bỏ qua hoặc bị vi phạm nhiều hơn so với các quyền khác.

*Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau (interrelated, interdependent)*³: đặc điểm này có nghĩa là việc bảo đảm các quyền con người, toàn bộ hoặc một phần, phụ thuộc và tác động lẫn nhau. Sự vi phạm một quyền này ít hoặc nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác, và ngược lại, tiến bộ trong việc bảo đảm một quyền con người ít hoặc nhiều có tác động tích cực đến việc bảo đảm các quyền khác.

Thực tế cho thấy, trong mọi hoàn cảnh, rất khó, thậm chí là không thể thực sự thành công trong việc bảo đảm riêng một quyền con người nào đó mà bỏ qua các quyền khác. Do đó, để bảo đảm tốt các quyền bầu cử, ứng cử (các quyền chính trị cơ bản), cần bảo đảm một loạt các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa khác như: quyền được giáo dục, quyền được chăm sóc y tế, quyền có mức sống thích đáng... vì nếu không, các quyền bầu cử, ứng

cử rất ít có ý nghĩa với những người đói khổ, bệnh tật và mù chữ.

Bên cạnh các đặc điểm cơ bản kể trên, một số tài liệu còn đề cập đến một vài đặc điểm khác của quyền con người, cụ thể như sau:

- Quyền con người được xây dựng trên *sự tôn trọng nhân phẩm và giá trị của mỗi cá nhân*⁴;

- Quyền con người đặt ra những nghĩa vụ (hành động hoặc không hành động) đối với các chủ thể, trong đó đặc biệt là các Nhà nước (*states*) và các cơ quan, viên chức nhà nước (*state actors*)⁵;

- Quyền con người được bảo vệ bằng pháp luật và ở phạm vi quốc tế⁶;

- Chủ thể chính của quyền con người (*right-bearer*) là cá nhân (*individual*) và ở mức độ nhất định là các nhóm (*group*), trong khi chủ thể chính của nghĩa vụ bảo đảm quyền con người (*duty-bearer*) là các Nhà nước và trong một số trường hợp khác, là các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân⁷.

“Tính đặc thù” và “tính giai cấp” của quyền con người

Một số tác giả cho rằng, bên cạnh tính phổ biến, quyền con người có “tính đặc thù” và “tính giai cấp”.

Về “tính đặc thù”, giải thích của các tác giả về đặc điểm này ít nhiều khác nhau, song nhìn chung cho rằng “tính đặc thù” của quyền con người thể hiện ở chỗ *việc bảo đảm các quyền con người phụ thuộc vào đặc điểm của thể chế chính trị, truyền thống văn hóa và trình độ phát triển về mặt kinh tế, xã hội ở mỗi quốc gia, dân tộc*. Về “tính giai cấp”, có hai dạng lập luận. Dạng thứ nhất cho rằng xuất phát từ sự khác biệt về hệ tư tưởng, quyền con người ở mỗi chế độ xã hội là khác nhau, cả về nội dung, tầm quan trọng của các

³ Xem *Human Rights. A Basic Handbook for UN Staff*, Sdd, tr.3. Trong tài liệu này, ba đặc điểm tính không thể chia cắt, tính liên hệ và phụ thuộc được khảo sát chung, tuy nhiên cách giải thích cũng tương tự như trên. Cũng xem *Frequently asked questions on a human rights-based approach to development cooperation*, Sdd, tr.8.

⁴ Xem *Human Rights. A Basic Handbook for UN Staff*, Sdd, tr.3. Cũng xem *Frequently asked questions on a human rights-based approach to development cooperation*, Sdd, tr.8.

⁵ Xem: *Frequently asked questions on a human rights-based approach to development cooperation*, Sdd, tr.8.

⁶ Tài liệu trên, tr.8.

⁷ Tài liệu trên, tr.8.

quyền và cách thức bảo đảm. Dạng thứ hai tương tự như giải thích về “tính đặc thù”, cho rằng do sự khác biệt về hệ tư tưởng, quyền con người ở mỗi chế độ xã hội là khác nhau, chỉ riêng về tầm quan trọng của các quyền và cách thức bảo đảm.

Lập luận về “tính giai cấp” của quyền con người có lẽ bắt nguồn từ một nguyên tắc bất thành văn đóng vai trò như một lối mòn trong nghiên cứu các khoa học xã hội, đặc biệt là chính trị học, ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trong đó có Việt Nam. Lối mòn này đơn giản là bất cứ mọi sự vật, hiện tượng nào là đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội đều có “*tính giai cấp*”, bởi vậy, quyền con người, với tính chất là một phạm trù và đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội, tất yếu phải có “tính giai cấp”. Quan niệm này được củng cố bởi những nhận thức thiếu đầy đủ về cuộc tranh cãi mang tính chính trị sâu sắc giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ở Liên hợp quốc trong quá trình soạn thảo một điều ước quốc tế về các quyền cơ bản của con người, nhằm biến các quy tắc nêu trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 thành các quy phạm pháp lý quốc tế ràng buộc nghĩa vụ của các quốc gia. Trong cuộc tranh cãi đó, phe tư bản chủ nghĩa nhấn mạnh các quyền dân sự, chính trị, trong khi phe xã hội chủ nghĩa đề cao các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Ở góc độ nào đó, cuộc tranh cãi ở đây có thể quy vào (hoặc có màu sắc) của “tính giai cấp”.

Trong khi đó, lập luận về “tính đặc thù” của quyền con người có vẻ như có nguồn gốc muộn hơn. Vào khoảng thập kỷ 80 và kéo dài đến hết thập kỷ 90 của thế kỷ XX, trên diễn đàn về quyền con người trên thế giới rộ lên cuộc tranh luận về những giá trị châu Á về quyền con người (*Asian Values on Human Rights*). Diễn giải về “những giá trị châu Á” về quyền con người rất đa dạng, tuy nhiên điểm cốt lõi chung đó là *văn hóa của các dân tộc châu Á (văn hóa phương Đông) có những đặc thù khác với văn hóa phương Tây, mà điểm đặc thù nhất đó là đề cao sự gắn kết và lợi ích của cộng đồng tập thể. Điều này khác*

với văn hóa phương Tây đề cao tự do cá nhân. Bởi sự khác biệt này, nhận thức về nội dung, tầm quan trọng và cách thức bảo đảm các quyền con người cũng khác nhau. Do vậy, các nước châu Á khó có thể chấp nhận cách tiếp cận và một số quan điểm của phương Tây về nhân quyền, đặc biệt là về các quyền dân sự, chính trị.

Tuy nhiên, liệu quan điểm về “tính giai cấp” và “tính đặc thù” của quyền con người có cơ sở khoa học tự thân hay chỉ là sự tư biện? Và liệu sự tư biện đó có mang lại hiệu quả như các tác giả của nó mong muốn hay không?

Trước hết nói về “tính đặc thù”. Không có gì sai khi nói rằng việc bảo đảm một số quyền con người, đặc biệt là các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia. Đây là điều đã được chấp nhận chung bởi cộng đồng quốc tế, theo đó, khác với các quyền dân sự, chính trị cần phải thực hiện ngay ở mức độ bảo đảm cao nhất, các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, do việc thực hiện các quyền này đòi hỏi những nguồn lực vật chất lớn, nên *có thể thực hiện dần dần từng bước, phù hợp với điều kiện về kinh tế, xã hội của quốc gia*⁸. Một điều khác cũng được chấp nhận chung bởi cộng đồng quốc tế đó là, *mặc dù các quyền con người mang tính phổ biến, không phụ thuộc vào sự khác biệt về văn hóa, song việc thực hiện các quyền con người phải tính đến sự nhạy cảm về văn hóa*⁹. Việc thực hiện các quyền con người mà không tính đến sự nhạy cảm về văn hóa có thể dẫn đến những xung đột nguy hiểm không chỉ giữa các cá nhân, nhóm, quốc gia mà còn giữa các nền văn hóa hoặc tôn giáo, chẳng hạn như việc một số cá nhân và tờ báo ở một số nước Tây Âu vừa qua đăng những bức ảnh, bài viết hoặc làm những bộ phim báng bổ đạo Hồi

⁸ Về vấn đề này, xem thêm *Frequently asked questions on a human rights-based approach to development cooperation*, Sdd, tr.4.

⁹ Về vấn đề này, xem thêm *Frequently asked questions on a human rights-based approach to development cooperation*, Sdd, tr.5.

dưới danh nghĩa quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận¹⁰.

Như vậy, nói tóm lại, giải thích về nội hàm của “tính đặc thù”, tuy không hoàn toàn nhưng về cơ bản dựa trên những nhận thức chung của cộng đồng quốc tế về việc thực hiện các quyền con người. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là, với nội hàm như vậy, “tính đặc thù” không thể ghép thành một cặp phạm trù với “tính phổ biến” của quyền con người, bởi lẽ trong khi tính phổ biến nói đến *bản chất của quyền con người*, thì “tính đặc thù” nói đến *cách thức thực hiện các quyền con người*. Về mặt logic học, chỉ có thể so sánh hai sự vật, hiện tượng cùng loại, và chỉ khi hai sự vật, hiện tượng cùng loại thì mới có thể đứng đối xứng trong một cặp phạm trù.

Nói cách khác, quan điểm về “tính đặc thù” của quyền con người trong mối quan hệ với tính phổ biến một mặt vi phạm những quy tắc cơ bản của logic học, mặt khác hàm chứa mâu thuẫn nội tại bởi lẽ khi đã thừa nhận “tính phổ biến” của quyền con người với ý nghĩa là những giá trị phổ quát chung cho mọi thành viên của cộng đồng nhân loại mà không có sự phân biệt về bất cứ yếu tố nào, thì không thể đồng thời nói rằng, *quyền con người mang những giá trị khác trong những bối cảnh khác nhau (đặc thù) (?)*.

Tương tự khi nói về “tính giai cấp”, ở đây, lập luận về vấn đề này cũng chứa đựng mâu thuẫn nội tại khi các tác giả của nó thông thường cũng đồng thời khẳng định quyền con người mang tính phổ quát. *Một khi quyền con người đã mang tính phổ quát, làm sao có thể tồn tại các loại quyền con người khác nhau, cho dù ở các thể chế chính trị khác nhau?* Trong lập luận về “tính giai cấp” của quyền

con người có chăng chỉ có khía cạnh về sự khác biệt về những ưu tiên và cách thức bảo đảm quyền con người là không gây tranh cãi, còn những lý giải về sự khác nhau về nội dung và tầm quan trọng của các quyền con người rõ ràng mâu thuẫn với quan điểm đã được thừa nhận chung bởi cộng đồng quốc tế về “tính đặc thù” và về tính không thể phân chia của quyền con người.

Từ những phân tích kể trên, có thể thấy bản chất của quyền con người thể hiện duy nhất ở giá trị phổ quát (tính phổ quát) của nó. *Không có nhiều hơn một nhân loại, và vì vậy, cũng không có nhiều hơn một loại quyền con người với ý nghĩa là những giá trị phổ quát chung cho toàn nhân loại*. Theo cách tiếp cận này, quyền con người không có “tính đặc thù” cũng như không có “tính giai cấp”. Nói cách khác, các khái niệm về “tính đặc thù”, “tính giai cấp” chỉ giới hạn trong, và chỉ nên được dùng với nghĩa là *những yếu tố tác động đến những ưu tiên, cách thức và tiến độ thực hiện quyền con người, mà chủ yếu là đến việc thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*.

Cũng liên quan đến vấn đề trên, cần thấy rằng việc lập luận một cách khiên cưỡng về “tính đặc thù” hay “tính giai cấp” của quyền con người có rất ít, và trong ngày càng nhiều trường hợp, tỏ ra phản tác dụng trong các cuộc đối thoại về quyền con người. Điều này trước hết là bởi xét ở phương diện lý luận, quan điểm về “tính đặc thù” hay “tính giai cấp” của quyền con người chỉ được ủng hộ bởi một số học giả ở một số rất ít nước, có lẽ chỉ ở Việt Nam và Trung Quốc, và nếu được nêu ra trên các diễn đàn và tài liệu học thuật ở cấp độ quốc tế, chúng dường như là *những lập luận không giống ai*. Sau nữa, xét ở phương diện thực tiễn, một câu hỏi đặt ra là liệu những lập luận về “tính đặc thù” hay “tính giai cấp” của quyền con người – với hàm ý nhằm chống lại nguy cơ chủ quyền quốc gia có thể bị lấn át bởi những quyền tự do cá nhân - có cần thiết hay không khi cả luật nhân quyền quốc tế cũng như dư luận quốc tế đều khẳng định các quyền cá nhân không phải là những tự do vô giới hạn? Đơn cử, Điều 29 Tuyên ngôn toàn thế giới về

¹⁰ Dù vậy, nhận thức được thừa nhận chung trong cộng đồng quốc tế cũng cho rằng, không thể sử dụng những đặc thù về văn hóa để hạn chế hoặc xóa bỏ hay để biện hộ cho những quyền con người cơ bản đã được thừa nhận chung bởi cộng đồng quốc tế. Ví dụ, không thể biện hộ cho tục cắt âm vật phụ nữ - một tập tục khá phổ biến ở một số nước Hồi giáo và được coi là một vi phạm nghiêm trọng các quyền dân sự của phụ nữ và trẻ em gái - bằng cách nói rằng đây là một tập tục truyền thống có từ lâu đời, hoặc thậm chí là *một giá trị văn hóa*...

quyền con người năm 1948 nêu rõ, *trong khi thực hiện các quyền cá nhân, mỗi người không được làm tổn hại đến cộng đồng, hoặc các quyền và tự do của người khác*, và trên thực tế, luật quốc tế về nhân quyền cũng đã làm rõ phạm vi, giới hạn của các quyền cá nhân cụ thể (thông qua các quy định trong các văn kiện và các bình luận, khuyến nghị chung của các Ủy ban giám sát công ước). Cuối cùng, trong thời đại ngày nay, khi mà kiến thức, thông tin về quyền con người ngày càng trở nên phổ biến ở mọi quốc gia; các giá trị về quyền con người ngày càng được chấp nhận rộng rãi bởi toàn nhân loại; những cuộc đối đầu mang tính chất ý thức hệ tư tưởng trước đây đã và đang trở thành đối thoại; quyền lực cứng của các quốc gia, dân tộc đang được thay thế bởi quyền lực mềm mà biểu hiện là trí tuệ, văn hóa, tinh thần yêu chuộng hòa bình, công lý và sự hòa hợp với các quốc gia, dân tộc khác... thì việc giữ những lập luận mang tính chất tư biện, khác biệt với quan điểm chung của cộng đồng quốc tế về quyền con người không những không mang lại những kết quả mong muốn, mà còn có thể làm tổn hại đến uy tín và hình ảnh tốt đẹp mà quốc gia, dân tộc đó đang muốn xây dựng trên lĩnh vực này.

Nghĩa vụ của các Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người

Trong vấn đề này, dường như có hai dạng quan điểm trái ngược. Một cho rằng Nhà nước đóng vai trò bảo trợ, có trách nhiệm bảo đảm thực thi tất cả các quyền con người và có trách nhiệm với tất cả vi phạm về quyền con người, bất kể do chủ thể nào gây ra. Quan điểm kia cho rằng Nhà nước chỉ có nghĩa vụ kiềm chế sự vi phạm quyền con người của các cơ quan và công chức, viên chức của nó mà thôi.

Cả hai quan điểm kể trên đều phiến diện và có phần thiếu chính xác. Theo nhận thức chung của cộng đồng quốc tế, nghĩa vụ của các Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người thể hiện ở ba hình thức cụ thể¹¹:

Thứ nhất, nghĩa vụ tôn trọng (obligation to respect): nghĩa vụ này đòi hỏi các Nhà nước phải kiềm chế không can thiệp, kể cả trực tiếp hoặc gián tiếp, vào việc hưởng thụ các quyền con người của mọi cá nhân. Đây được coi là một nghĩa vụ *thụ động (negative obligation)* bởi lẽ không đòi hỏi các Nhà nước phải chủ động đưa ra những sáng kiến, biện pháp hay chương trình nhằm hỗ trợ các công dân trong việc hưởng thụ các quyền. Nghĩa vụ này đặc biệt liên quan đến các quyền dân sự và chính trị.

Thứ hai, nghĩa vụ bảo vệ (obligation to protect): nghĩa vụ này đòi hỏi các Nhà nước phải ngăn chặn sự vi phạm quyền con người của các bên thứ ba. Đây được coi là một nghĩa vụ *chủ động (positive obligation)* bởi để ngăn chặn sự vi phạm quyền con người của các bên thứ ba, Nhà nước phải chủ động đưa ra những biện pháp và xây dựng những cơ chế phòng ngừa, điều tra, truy tố và xét xử những hành vi vi phạm. Nghĩa vụ này liên quan đến tất cả các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tuy nhiên gần hơn với các quyền dân sự và chính trị.

Thứ ba, nghĩa vụ thực hiện (obligation to fulfil)¹²: nghĩa vụ này đòi hỏi các Nhà nước phải có những biện pháp nhằm hỗ trợ mọi cá nhân hưởng thụ đầy đủ các quyền con người. Đây cũng được coi là nghĩa vụ chủ động, bởi nó yêu cầu các Nhà nước phải có những kế hoạch, chương trình cụ thể để bảo đảm cho mọi công dân có thể hưởng thụ đến mức cao nhất có thể các quyền con người. Nghĩa vụ này liên quan mật thiết đến các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa.

Ngoài ra, liên quan đến vấn đề trên, quan điểm khá phổ biến cho rằng các Nhà nước chỉ có nghĩa vụ tuân thủ, thực hiện những quyền con người quy định trong các điều ước quốc tế mà nhà nước đó là thành viên. Tuy nhiên, đây không phải là quan điểm phù hợp bởi lẽ các Nhà nước còn phải tuân thủ và thực hiện những quyền con người mà tuy không được

¹¹ ESCR Committee, *General Recommendation No. 14 (2000)*, trong *Compilation of General Comments and*

Recommendations adopted by human rights treaty bodies (HRI/GEN/1/Rev.7, 12 May 2004).

¹² Còn gọi là *nghĩa vụ hỗ trợ (obligation to facilitate)*.

nêu trong các điều ước mà nước đó là thành viên, nhưng được coi là thuộc vào *tập quán quốc tế (international customary law)*. Ví dụ, một quốc gia chưa tham gia Công ước quốc tế về chống tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục của Liên hợp quốc vẫn có nghĩa vụ cấm và trừng phạt những tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục, bởi lẽ quyền không bị tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục đã được thừa nhận chung như là những quy phạm của tập quán quốc tế.

Liên quan đến nghĩa vụ quốc gia về bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, ở góc độ quốc tế, có quan điểm cho rằng, việc này khó có thể giám sát bởi cộng đồng quốc tế bởi lẽ không có những tiêu chí cụ thể cho việc giám sát.

Tuy nhiên, quan điểm kể trên là không chính xác, bởi lẽ Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa đã đưa ra khái niệm về những nghĩa vụ cơ bản tối thiểu (*minimum core obligations*) nhằm làm thước đo đánh giá việc thực thi nghĩa vụ của các quốc gia thành viên Công ước về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Theo đó, một quốc gia thành viên không hoàn thành bất cứ nghĩa vụ cơ bản tối thiểu nào cũng sẽ bị coi là vi phạm các nghĩa vụ quốc gia với Công ước này. Khái niệm các nghĩa vụ cơ bản tối thiểu sau đó được cụ thể hóa trong văn kiện có tên gọi là *Các nguyên tắc Limburg (the Limburg Principles)*. Theo Văn kiện này, các quốc gia sẽ bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Công ước về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa trong các trường hợp:

- Không thực hiện các biện pháp được Công ước yêu cầu để bảo đảm thực hiện các quyền trong Công ước;
- Không nhanh chóng xóa bỏ các trở ngại với việc bảo đảm các quyền mà theo Công ước cần phải xóa bỏ ngay;
- Không bảo đảm thực hiện ngay các quyền mà Công ước yêu cầu phải bảo đảm thực hiện ngay;

- Chủ ý không bảo đảm các tiêu chuẩn tối thiểu đã được cộng đồng quốc tế chấp thuận trong điều kiện có thể bảo đảm được;

- Đưa ra hạn chế với một quyền được ghi nhận trong Công ước mà không phù hợp với quy định của Công ước;

- Trì hoãn hoặc đình chỉ việc bảo đảm một quyền, trừ khi việc đó phù hợp với những giới hạn cho phép trong Công ước hoặc do thiếu nguồn lực;

- Không nộp báo cáo quốc gia về việc thực hiện Công ước lên Ủy ban giám sát.

Ở góc độ quốc gia, có quan điểm cho rằng, các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa không phải là các quyền thực chất, hay nói cách khác, các quyền này không có giá trị thực chất, bởi khác với các quyền dân sự, chính trị, không có tiêu chí nào mà các cơ quan tài phán có thể sử dụng để giải quyết khiếu nại vi phạm các quyền này.

Mặc dù vậy, Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa đã cho rằng, các quyền này có giá trị thực chất, đồng thời đưa ra những tiêu chí để các cơ quan tài phán có thể xem xét xử lý các vi phạm, cụ thể bao gồm:

- Sự phân biệt đối xử trong việc hưởng thụ các quyền;
- Vi phạm các nguyên tắc về trả công thích đáng và bình đẳng; đặc biệt là nguyên tắc trả công như nhau cho các công việc như nhau mà có thể do nam giới và phụ nữ thực hiện;
- Quyền được thành lập các nghiệp đoàn và quyền được đình công;
- Việc bảo vệ trẻ em khỏi bị bóc lột về kinh tế và xã hội;
- Việc thực hiện giáo dục tiểu học phổ cập miễn phí và bắt buộc;
- Quyền của các bậc cha mẹ được chọn trường cho con cái họ và được giáo dục đạo đức và tôn giáo cho con cái tùy theo đức tin của họ;
- Quyền được thành lập và quản lý các cơ sở giáo dục;
- Tự do nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng tạo.

Cũng liên quan đến vấn đề trên, nhận thức chung cho rằng, khác với việc bảo đảm các quyền dân sự, chính trị là mang tính tức thời (*immediate*), do không phụ thuộc nhiều vào các nguồn lực vật chất bảo đảm, việc bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa thì có thể dần dần, từng bước (*progressive*) tương ứng với nguồn lực hiện có của quốc gia. Tuy nhiên, việc đánh giá thế nào là thực hiện *dần dần, từng bước* không phải là đơn giản. Về vấn đề này, một số tài liệu đề cập đến các khái niệm *nghĩa vụ tổ chức* (obligation of conduct) và *nghĩa vụ đạt được kết quả* (obligation of result)¹³. Nghĩa vụ tổ chức được hiểu là việc các quốc gia phải thực hiện trên thực tế các biện pháp cụ thể để thực thi các quy định của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, ví dụ như để cấm lao động cưỡng bức, đưa ra các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân hay bảo đảm giáo dục tiểu học miễn phí cho mọi trẻ em... Nghĩa vụ đạt được kết quả đề cập tới yêu cầu với các quốc gia phải bảo đảm rằng những biện pháp và hoạt động đề ra phải thu

được những thành tựu chứ không phải chúng được xây dựng mang tính hình thức.

Chủ thể có nghĩa vụ

Về vấn đề này, rất nhiều người cho rằng chỉ có Nhà nước mới là chủ thể của nghĩa vụ về quyền con người.

Tuy nhiên, nhận thức chung của cộng đồng quốc tế cho rằng, Nhà nước là chủ thể chính có nghĩa vụ bảo đảm các quyền con người (*duty-bearer*), nhưng không phải là *chủ thể duy nhất có nghĩa vụ trong lĩnh vực này*. Bên cạnh các Nhà nước, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, các nhóm, gia đình, cộng đồng, và kể cả các cá nhân cũng là những *duty-bearer* về quyền con người. Chỉ đơn cử, với các cá nhân, Điều 29 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (đã nêu ở trên) cho thấy rõ bên cạnh các quyền, các cá nhân có nghĩa vụ tôn trọng các quyền và tự do của người khác. Với các bậc cha mẹ, có thể nhắc đến Công ước về quyền trẻ em, theo đó cha mẹ là chủ thể có nghĩa vụ chính và đầu tiên trong việc bảo đảm các quyền của trẻ em.

¹³ Hai khái niệm này lần đầu tiên được nêu ra bởi Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, sau đó được cụ thể hóa bởi Ủy ban Pháp luật quốc tế (International Law Commission).

(Tiếp theo trang 24 – Kiểm tra Hiến pháp trong ...)

2. Hai là, về mặt thực tiễn, thì việc thành lập TAHP ở Việt Nam hiện nay không chỉ xuất phát từ thực tiễn hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam, mà còn là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta về việc thực thi chế định *KTrHP bằng nhánh quyền tư pháp* với mục đích làm cho đạo luật cơ bản của Nhà nước được bảo vệ một cách hữu hiệu, loại trừ tình trạng ban hành các văn bản QPPL vi hiến, những hành vi (và bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở các văn bản đó, cũng như sự xâm phạm thô bạo các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân từ phía

quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng thành công NNQP và triển khai thắng lợi công cuộc CCTP ở nước ta.

3. Và cuối cùng, về mặt lí luận, việc tiếp tục nghiên cứu chuyên khảo, có hệ thống và toàn diện để làm sáng tỏ về mặt lí luận những vấn đề về *KTrHP* và đưa ra mô hình lí luận của các kiến giải lập pháp cụ thể cho việc tổ chức thực thi chế định này ở nước ta không chỉ là một trong những nhiệm vụ cơ bản, mà còn là một hướng nghiên cứu quan trọng của KHPL Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP và CCTP hiện nay.